

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/DS-PT.

Ngày : 07/10/2019

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 07/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLPT- DS ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2019/QĐ-PT ngày 18/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐ-PT ngày 14/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2019/QĐ-PT ngày 14/6/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 15/7/2019; Quyết định tạm ngừng số 43/QĐ-PT ngày 15/8/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 52/2019/QĐ-PT ngày 16/9/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện L do bà Nguyễn Thị N, Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L đại diện theo uỷ quyền (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. UBND xã X do ông Nghiêm Phú S, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Phạm Thị P, sinh Năm 1970 do ông Nguyễn Văn T là đại diện theo uỷ quyền (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh Năm 1989 (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

7. Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

8. Anh Ngô Văn L1, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

9. Anh Ngô Văn H1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

10. Chị Hà Thị L, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

11. Chị Ngô Thị H2, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2017 và các lời khai tiếp sau, ông Ngô Văn L trình bày: Hộ gia đình ông được quyền sử dụng diện tích 1.189,9m² đất, tại thửa số 60, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện L, mục đích sử dụng (RTS) đất trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2045, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004 mang tên hộ ông Ngô Văn L. Gia đình ông sử dụng đất ổn định không có tranh chấp gì ; Đến năm 2017 ông Nguyễn Văn T xây dựng công trình chăn nuôi tại vị trí giáp ranh với đất của gia đình ông; Lúc này ông mới kiểm tra thì thấy ông T đã xây công trình lấn sang đất của ông như sau : Cạnh giáp đường đi là 0,70m; Cạnh giáp đất ông S là 2,30m; Cạnh giáp đất ông T là 43,76m; Cạnh giáp đất ông L là 44m. Diện tích lấn chiếm là 66m². Sau ông đã nói với ông T, nhưng ông T không thừa nhận việc lấn chiếm; Do đó ông đã gửi đơn đến UBND xã X để yêu cầu giải quyết tranh chấp đất giữa hai gia đình và UBND xã X đã thành lập tổ công tác tiến hành xác minh hiện trạng đất và hoà giải nhiều lần , nhưng không thành vì hai gia đình không thoả thuận được . Nay ông khởi kiện để yêu cầu ông Nguyễn Văn T tháo dỡ Công trình xây dựng trên diện tích đất đã lấn chiếm là 66 m² để trả cho gia đình ông đúng ranh giới mà ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo bản tự khai ngày 03/8/2017 và các lời khai tiếp sau, ông Nguyễn Văn T trình bày: Hộ gia đình ông được quyền sử dụng diện tích 764,9m² đất, trong đó có 360m² là đất ở và 404,9m² là đất (TCLN) đất trồng cây lâu năm, tại thửa số 49,

tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện L, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2014 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Gia đình ông sử dụng đất ổn định không có tranh chấp gì; Đến năm 2017 ông xây dựng công trình chăn nuôi tại phần đất liền kề phía sau nhà ở của ông L thì ông L có nói là ông xây lấn sang đất của ông L khoảng 66m²; ông kiểm tra đất của gia đình mình thì thấy diện tích đất của gia đình ông còn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp; Mặt khác trước năm 2000 ông và ông L có thỏa thuận bằng miệng để đổi cho nhau một phần diện tích đất để cho ranh giới được thẳng như hiện nay; Do đó ông xác định không lấn chiếm đất của ông L, nên ông L yêu cầu ông tháo dỡ công trình xây dựng để trả cho ông L diện tích 66m² đất mà ông L cho là ông lấn chiếm thì ông không chấp nhận.

- Tại Công văn số 1596/CV-TNMT ngày 09/10/2018 đại diện UBND huyện L trình bày ý kiến và nêu quan điểm như sau:

1. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn L và hiện trạng sử dụng đất: Theo bản đồ đo đạc năm 2003 xã X thì đất hộ ông Ngô Văn L thể hiện tại thửa số 60, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.189,9 m², đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004, mục đích sử dụng đất trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2045; Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn L là đúng trình tự thủ tục của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 02/11/2017 Hội đồng định giá tài sản và thẩm định tại chỗ đất tranh chấp đã đo đạc hiện trạng sử dụng đất của hộ ông L thì diện tích đất thực tế đang sử dụng là 1.200,7m² tăng 10,8 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng sử dụng đất, hộ ông L đã xây dựng nhà kiên cố 1 tầng giáp đất hộ ông T và các mốc giới khác đã xây dựng tường bao ngăn cách với các hộ liền kề không có tranh chấp gì.

2. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T và hiện trạng sử dụng đất: Theo bản đồ đo đạc năm 2003 xã X thì đất của hộ ông Nguyễn Văn T thể hiện tại thửa số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích 764,9 m², đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004, mục đích sử dụng: Đất ở 360m², đất trồng cây lâu năm 404,9 m², thời hạn sử dụng: Lâu dài; Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự thủ tục của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 02/11/2017 Hội đồng định giá tài sản và thẩm định tại chỗ đất tranh chấp đã đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất của hộ ông T thì diện tích đất thực tế đang sử dụng là 754,2 m² giảm 10,7 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện trạng sử dụng đất hộ ông T và các mốc giới khác đã xây dựng tường bao ngăn cách với các hộ liền kề không có tranh chấp gì.

3. Ý kiến của UBND huyện L: Qua kiểm tra hiện trạng thực tế việc sử dụng đất của hộ ông L và hộ ông T thì thấy có sự biến động về diện tích như đã nêu trên và phần ranh giới đã xây tường bao và công trình ngăn cách với các hộ liền kề. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- Tại Công văn số : 240/UBND-ĐC ngày 12/10/2018 đại diện UBND xã X trình bày ý kiến và nêu quan điểm như sau:

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn L thể hiện tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.189,9m², mục đích sử dụng đất: Trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2045, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004.

- Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T thể hiện tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích 764,9m² (trong đó có 360m² đất ở và 404,9m² đất trồng cây lâu năm), mục đích sử dụng : Lâu dài, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004.

Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự, thủ tục của Luật đất đai năm 2003; Các hộ không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Năm 2017 ông L có đơn đề nghị UBND xã X giải quyết tranh chấp đất giữa ông L và ông T; UBND xã đã thành lập tổ công tác tiến hành xác minh ranh giới và hoà giải nhiều lần nhưng không thành vì các bên không thoả thuận được. Nay UBND xã X xác định; hộ ông L và hộ ông T không thắc mắc gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ tranh chấp về ranh giới và tài sản trên đất với nhau. Do đó đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, còn các hộ liền kề khác thì giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất vì các bên không có tranh chấp gì.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Áp dụng các Điều 105, 107, 113, 136 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 26, 35, 147, 157, 165, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T là đại diện hộ sử dụng đất phải tháo dỡ công

trình xây dựng và cây trồng trên diện tích đất lần chiếm để trả cho ông Ngô Văn L là đại diện hộ sử dụng đất diện tích 29,9m², có các cạnh như sau: Cạnh AB là 1,3m; Cạnh BC là 2,5m + 16,2m; Cạnh CD là 0,3m; Cạnh DE là 18,8m; Cạnh EA là 42,4m.

(có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Về chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ đất: Ông Ngô Văn L phải chịu 5.863.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất, được trừ vào số tiền 11.726.000 đồng đã nộp, xác nhận ông Ngô Văn L đã thi hành xong tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.863.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất để hoàn trả cho ông Ngô Văn L.

3. Về án phí : Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Ngô Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ; Hoàn trả cho ông Ngô Văn L 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2015/0002409 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/11/2018, ông Nguyễn Văn T là bị đơn nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 32 ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 26/12/2018, ông Ngô Văn L là nguyên đơn nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 32 ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Văn L là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và các đương sự kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Ngô Văn L trình bày: Giữ nguyên quan điểm.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Giữ nguyên quan điểm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn T có kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do, coi như từ bỏ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo của ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn T thì thấy:

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Hộ ông Ngô Văn L được quyền sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.189,9m², mục đích sử dụng đất trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến tháng 12/2045, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004.

Hộ ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích 764,9m², mục đích sử dụng : Đất ở 360m², đất trồng cây lâu năm 404,9m², thời hạn sử dụng : Lâu dài, đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2004

Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn L và hộ ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự thủ tục của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật và hộ ông L và hộ ông T đều không có ý kiến gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình mình. Hộ ông L và hộ ông T sử dụng đất ổn định không có tranh chấp gì ; Đến năm 2017 ông T xây dựng công trình chăn nuôi tại vị trí giáp ranh với đất của ông L thì hai gia đình phát sinh tranh chấp ; Ông L tự kiểm tra đất của mình và xác định ông T xây công trình chăn nuôi lấn sang đất của ông L diện tích là 66m². Do đó ông L đã gửi đơn yêu cầu UBND xã X giải quyết tranh chấp đất giữa hai gia đình và UBND xã X đã thành lập tổ công tác tiến hành xác minh hiện trạng đất và hoà giải nhiều lần , nhưng không đạt được kết quả do hai gia đình không thoả thuận được ; Nay ông L yêu cầu ông T phải tháo dỡ công trình xây dựng và cây trồng trên đất lấn chiếm để trả cho ông diện tích 66 m² đất theo đúng ranh giới ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngày 02/11/2017 Hội đồng định giá tài sản và thẩm định tại chỗ đất tranh chấp đã đo đạc hiện trạng sử dụng đất của các hộ xác định : Hộ ông Ngô Văn L diện tích đất thực tế sử dụng là 1.200,7 m² tăng 10,8 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hộ ông Nguyễn Văn T diện tích đất thực tế sử dụng là 754,2 m² giảm 10,7m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nguyên nhân tăng giảm diện tích nêu trên là do có sự biến động về các cạnh tiếp giáp với các hộ liền kề.

Theo kết quả chồng ghép sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 với bản đồ địa chính xã X đo vẽ năm 2003 bằng phương pháp sử lý trên phần mềm máy vi tính do Phòng TN&MT huyện L thực hiện xác định được như sau:

+ Thửa đất hộ ông Ngô Văn L có biến động như sau : Cạnh tiếp giáp với hộ ông T thiếu 29,9m²; Cạnh tiếp giáp với hộ ông S thiếu 8,3m²; Cạnh tiếp giáp với hộ

ông N1 thiếu 15,1m²; Cạnh tiếp giáp với hộ bà S1 thừa 6,0m²; Cạnh tiếp giáp với nghĩa địa thôn thừa 47,7m²; Cạnh tiếp giáp với đường đi của thôn thừa 4,7m².

+ Thừa đất hộ ông Nguyễn Văn T có biên động như sau: Cạnh tiếp giáp với hộ ông L thừa 29,9m²; Cạnh tiếp giáp với hộ ông H3 thiếu 42,8m²; Cạnh tiếp giáp với đường đi của thôn thiếu 11m².

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp giữa hộ ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn T. Vào ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của đương sự. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy: Diện tích đất tranh chấp giữa 2 hộ ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn T theo mốc giới các bên đương sự chỉ là: 60,9m². Theo kết quả chồng ghép sơ đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 với bản đồ địa chính xã X đo vẽ năm 2003 bằng phương pháp sử lý trên phần mềm máy vi tính thì thấy cạnh tiếp giáp với hộ ông T thiếu 29,9m².

Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T là đại diện hộ sử dụng đất phải tháo dỡ công trình xây dựng và cây trồng trên diện tích đất lấn chiếm để trả cho ông Ngô Văn L là đại diện hộ sử dụng đất diện tích 29,9m² nêu trên là có căn cứ. Nên kháng cáo của ông Ngô Văn L là không có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do được coi là từ bỏ quyền kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

- Về chi phí tố tụng:

+ Tại cấp sơ thẩm: Do chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn L đối với ông Nguyễn Văn T nên cả ông Ngô Văn L và ông Nguyễn Văn T đều phải chịu chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ nhà đất theo quy định của pháp luật.

+ Trong quá trình xét xử phúc thẩm, ông Ngô Văn L đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với phần diện tích đất tranh chấp. Ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ chi phí thẩm định tại chỗ hết 8.327.000 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Do yêu cầu của ông Ngô Văn L không được chấp nhận nên ông Ngô Văn L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2019. Xác nhận ông Ngô Văn L đã nộp đủ số tiền trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Ngô Văn L là người cao tuổi do đó ông L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả ông Ngô Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Lạng Giang. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải án phí dân sự phúc thẩm. Ông Ngô Văn L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn L. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

Áp dụng các Điều 105, 107, 113, 136 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 26, 35, 147, 157, 165, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T là đại diện hộ sử dụng đất phải tháo dỡ công trình xây dựng và cây trồng trên diện tích đất lấn chiếm để trả cho ông Ngô Văn L là đại diện hộ sử dụng đất diện tích 29,9m², có các cạnh như sau: Cạnh AB là 1,3m; Cạnh BC là 2,5m + 16,2m; Cạnh CD là 0,3m; Cạnh DE là 18,8m; Cạnh EA là 42,4m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Về chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ đất: Ông Ngô Văn L phải chịu 5.863.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất, được trừ vào số tiền 11.726.000 đồng đã nộp, xác nhận ông Ngô Văn L đã thi hành xong tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.863.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định đo vẽ sơ đồ đất để hoàn trả cho ông Ngô Văn L.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Ngô Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông Ngô Văn L 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002409 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai số: AA/2018/ 0006809 ngày 28/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ông Ngô Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Văn L phải chịu 8.327.000 đồng (tám triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2019. Xác nhận ông Ngô Văn L đã nộp đủ số tiền trên.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lạng Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi

